DANH SÁCH CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN DỰ THẢO CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN

Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 1 Dị Chế

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m^2)	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI				TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	TỔNG DT THU HỒI (m^2)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m^2)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m^2)	
I	**HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**					**5.403,0**				**432.240.000**	**202.470.000**	**1.296.720.000**	**1.931.430.000**
1	Hộ bà Nguyễn Thị Hoa (Tinh)	999	52	215	LUC	77,4	7,7%	2	3	6.192.000	3.060.000	18.576.000	**27.828.000**
2	Hộ bà Lê Thị Thoa	201,8	52	218	LUC	82,8	41,0%	6	2	6.624.000	6.120.000	19.872.000	**32.616.000**
3	Hộ ông Vũ Văn Tuyến và bà Nguyễn Thị Hằng	1340,4	52	219	LUC	58,2	4,3%	2	3	4.656.000	3.060.000	13.968.000	**21.684.000**
4	Hộ ông Vũ Văn Quyến và bà Vũ Thị Bình	1384,1	52	219	LUC	62,9	4,5%	2	4	5.032.000	4.080.000	15.096.000	**24.208.000**
5	Hộ ông Lê Văn Ty và bà Doãn Thị Nghĩa	308,3	52	231	LUC	117,5	38,1%	6	4	9.400.000	12.240.000	28.200.000	**49.840.000**
6	Hộ ông Vũ Công Vĩnh và bà Hoàng Thị Gấm	735	52	230	LUC	65,4	8,9%	2	1	5.232.000	1.020.000	15.696.000	**21.948.000**
7	Hộ bà Vũ Thị Vinh	963,8	52	230	LUC	53,0	5,5%	2	1	4.240.000	1.020.000	12.720.000	**17.980.000**
8	An Thị Tiu	166,1	52	229+230	LUC	166,1	100,0%	12	1	13.288.000	6.120.000	39.864.000	**59.272.000**
9	Hộ ông Lê Xuân Đức và bà Trần Thị Tân	1096,8	52	228	LUC	78,0	7,1%	2	3	6.240.000	3.060.000	18.720.000	**28.020.000**
10	Hộ ông Phạm Văn Bắc (Phạm Văn Thiện) và bà Vũ Thị Đoan	709,6	52	228	LUC	25,6	3,6%	2	2	2.048.000	2.040.000	6.144.000	**10.232.000**
11	Hộ ông Phạm Hồng Hải và bà Nguyễn Thị Mực	709,6	52	228	LUC	69,9	9,9%	2	5	5.592.000	5.100.000	16.776.000	**27.468.000**
12	Hộ bà Trần Thị Hoài (Thắng)	576	52	227	LUC	25,0	4,3%	2	1	2.000.000	1.020.000	6.000.000	**9.020.000**

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m²)	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI				TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	TỔNG DT THU HỒI (m²)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m²)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m²)	
13	Hộ ông Vũ Văn Tuyến và bà Hoàng Thị Thảo	432,8	52	227	LUC	51,2	11,8%	3	2	4.096.000	3.060.000	12.288.000	**19.444.000**
14	Hộ ông Lê Văn Út	373,6	52	227	LUC	49,6	13,3%	3	1	3.968.000	1.530.000	11.904.000	**17.402.000**
15	Hộ ông Lê Văn Hùng (Sáng)	1334,5	52	225+226	LUC	63,5	4,8%	2	1	5.080.000	1.020.000	15.240.000	**21.340.000**
16	Hộ ông Lê Quốc Tuấn và bà Hoàng Thị Nhoạn	441,4	52	224	LUC	52,6	11,9%	3	3	4.208.000	4.590.000	12.624.000	**21.422.000**
17	Hộ bà Lê Thị Nghề	450,1	52	223	LUC	75,7	16,8%	3	3	6.056.000	4.590.000	18.168.000	**28.814.000**
18	Hộ ông Nguyễn Đăng Trung và bà Bùi Thị Hồng Thúy	1214,2	52	223	LUC	62,2	5,1%	2	3	4.976.000	3.060.000	14.928.000	**22.964.000**
19	Hộ bà Vũ Thị Ngoan và ông Nguyễn Quang Hải	888,3	52	223	LUC	31,5	3,5%	2	2	2.520.000	2.040.000	7.560.000	**12.120.000**
20	Hộ bà Phạm Thị Giêng	495,5	52	222	LUC	63,5	12,8%	3	1	5.080.000	1.530.000	15.240.000	**21.850.000**
21	Hộ bà Nguyễn Thị Cận	356,6	52	273	LUC	43,4	12,2%	3	1	3.472.000	1.530.000	10.416.000	**15.418.000**
22	Hộ bà Nguyễn Thị Minh	982,5	52	274	LUC	104,1	10,6%	3	3	8.328.000	4.590.000	24.984.000	**37.902.000**
23	Hộ ông Vũ Văn Chính và bà Nguyễn Thị Liên	975,4	53	261	LUC	96,3	9,9%	2	2	7.704.000	2.040.000	23.112.000	**32.856.000**
24	Hộ ông Vũ Công Duyên và bà Lê Thị Mua	97,5	53	262	LUC	97,5	100,0%	12	3	7.800.000	18.360.000	23.400.000	**49.560.000**
25	Hộ ông Vũ Văn Hùng	12,7	53	262	LUC	12,7	100,0%	12	1	1.016.000	6.120.000	3.048.000	**10.184.000**
26	Hộ bà Vũ Thị Nhịn (Mạo)	629,4	53	263	LUC	125,4	19,9%	3	5	10.032.000	7.650.000	30.096.000	**47.778.000**

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m^2)	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI				TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	TỔNG DT THU HỒI (m^2)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m^2)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m^2)	
27	Hộ ông Phạm Văn Dương và bà Nguyễn Thị Dung	1059,3	53	265	LUC	58,5	5,5%	2	2	4.680.000	2.040.000	14.040.000	**20.760.000**
28	Hộ ông Vũ Văn Hạ và bà Bồ Thị Uyên	958	52	286	LUC	32,0	3,3%	2	4	2.560.000	4.080.000	7.680.000	**14.320.000**
29	Hộ ông Lê Xuân Mang	406	52	283	LUC	64,0	15,8%	3	3	5.120.000	4.590.000	15.360.000	**25.070.000**
30	Hộ ông Đoàn Văn Trung và bà Trần Thị Tuyết	1433,8	52	280	LUC	35.8	2,5%	2	4	2.864.000	4.080.000	8.592.000	**15.536.000**
31	Hộ ông Nguyễn Hữu Cúc và bà Phạm Thị Tích	1792	53	274	LUC	64,0	3,6%	2	3	5.120.000	3.060.000	15.360.000	**23.540.000**
32	Hộ ông Vũ Hồng Minh	801,6	52	287	LUC	81,6	10,2%	3	1	6.528.000	1.530.000	19.584.000	**27.642.000**
33	Hộ ông Phạm Thiện Đoan và bà Nguyễn Thị Hồi	39	52	324	LUC	28,0	71,8%	12	2	2.240.000	12.240.000	6.720.000	**21.200.000**
34	Hộ ông Vũ Đình Sy	12	52	328	LUC	12,0	100,0%	12	1	960.000	6.120.000	2.880.000	**9.960.000**
35	Nguyễn Văn Hiếu và bà Nguyễn Thị Hiệp	682,8	52	329 +330	LUC	106,8	15,6%	3	2	8.544.000	3.060.000	25.632.000	**37.236.000**
36	Hộ bà Phạm Thị Hằng (Thạo)	896	52	330	LUC	68,0	7,6%	2	1	5.440.000	1.020.000	16.320.000	**22.780.000**
37	Hộ bà Phạm Thị Thế và ông Phạm Quang Chí	638,3	52	332	LUC	83,6	13,1%	3	2	6.688.000	3.060.000	20.064.000	**29.812.000**
38	Hộ ông Vũ Văn Sỹ và bà Phạm Thị Toan	1344	52	346	LUC	30,1	2,2%	2	2	2.408.000	2.040.000	7.224.000	**11.672.000**
39	Hộ bà Nguyễn Thị Nhương	867,2	52	331	LUC	147,2	17,0%	3	4	11.776.000	6.120.000	35.328.000	**53.224.000**

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m^2)	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI				TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	TỔNG DT THU HỒI (m^2)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m^2)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m^2)	
40	Hộ ông Vũ Hồng Doanh và bà Trịnh Thị Thành	1806,5	52	339	LUC	159,0	8,8%	2	5	12.720.000	5.100.000	38.160.000	**55.980.000**
41	Hộ ông Vũ Văn Đạt và bà Trần Thị Bình	557,1	53	277	LUC	557,10	100,0%	12	2	44.568.000	12.240.000	133.704.000	**190.512.000**
42	Hộ ông Trần Anh Vàng và bà Doãn Thị Nga	1792,7	53	282	LUC	80,30	4,5%	2	4	6.424.000	4.080.000	19.272.000	**29.776.000**
43	Hộ bà Vũ Thị Thìn	876,3	53	284	LUC	613,7	70,0%	12	1	49.096.000	6.120.000	147.288.000	**202.504.000**
44	Hộ bà Lê Thị Tình	447,7	53	294	LUC	327,1	73,1%	12	1	26.168.000	6.120.000	78.504.000	**110.792.000**
45	Hộ ông Vũ Văn Duẩn	1791,8	53	295	LUC	1.043,2	58,2%	6	2	83.456.000	6.120.000	250.368.000	**339.944.000**
II	**TỔNG KINH PHÍ**												**1.931.430.000**
Số tiền bằng chữ: Một tỷ chín trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.													